



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 từ trang 5 đến trang 33 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính 2014 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Võ Phước Hồng.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY ACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trước việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp)

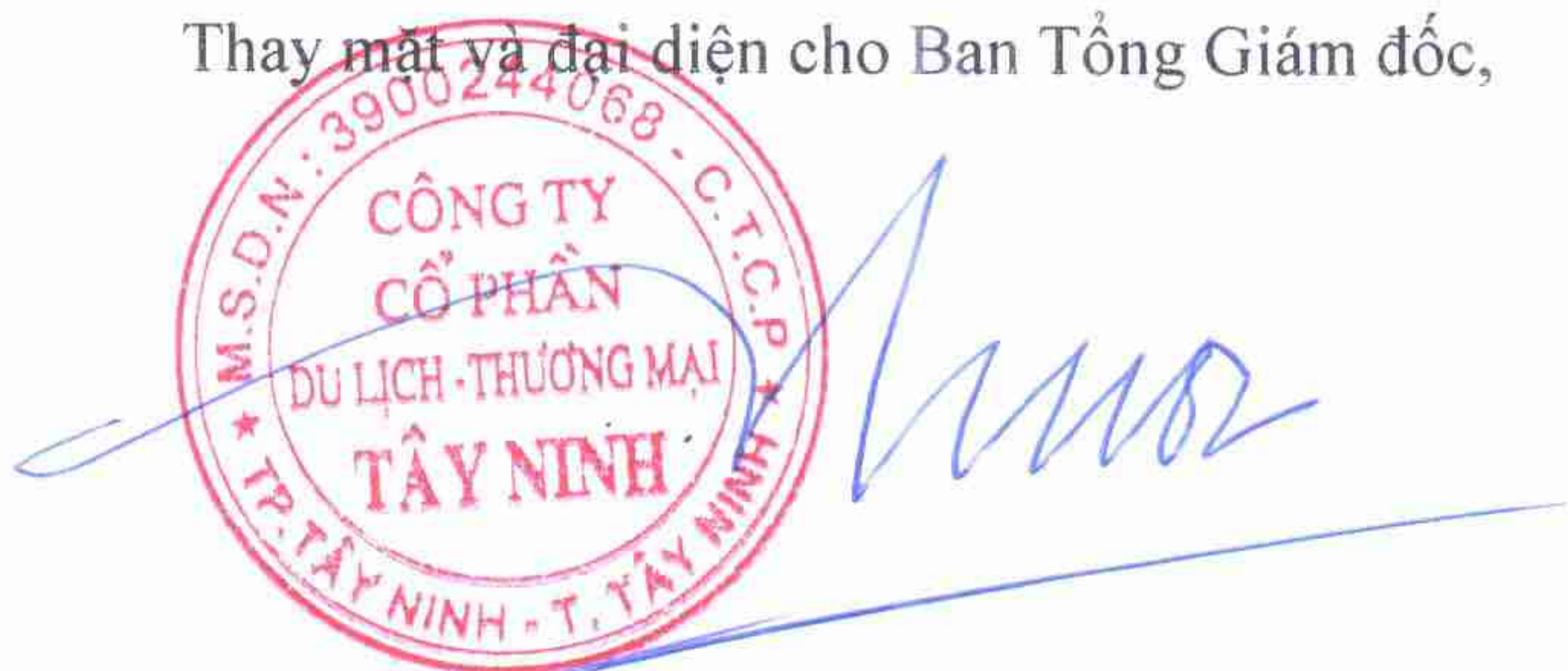
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Số: 10/2015/UHYACA HCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh, được lập ngày 09/02/2015, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như được nêu tại đoạn 3.10 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: trong năm 2014, Công ty đã tạm ghi nhận trước cổ tức năm 2014 từ các công ty con với giá trị 12.869.736.000 đồng vào doanh thu hoạt động tài chính. Đây là các khoản cổ tức được ghi nhận theo kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông các công ty con do Công ty nắm quyền chi phối. Theo đó, Công ty xác định các khoản cổ tức này là rất chắc chắn.

Việc ghi nhận như trên vào Báo cáo tài chính năm 2014 dẫn đến chỉ tiêu “Doanh thu tài chính” tăng thêm 815.260.000 đồng, chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đồng thời tăng thêm 12.869.736.000 đồng.

- Ngoài ra, Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản công nợ phải thu khó đòi với giá trị phải trích lập trong năm 2014 là 294.991.005 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CTY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.602.250.231	39.436.258.398
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.801.201.693	2.403.412.499
Tiền	111		1.001.201.693	2.203.412.499
Các khoản tương đương tiền	112		8.800.000.000	200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	5	1.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.543.241.850	17.995.408.613
Phải thu khách hàng	131		1.636.802.900	1.157.723.689
Trả trước cho người bán	132		697.900.400	3.688.594.454
Các khoản phải thu khác	135	6	13.686.313.380	13.209.090.470
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(477.774.830)	(60.000.000)
Hàng tồn kho	140	7	12.252.100.250	15.636.838.935
Hàng tồn kho	141		12.252.100.250	15.636.838.935
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.005.706.438	3.400.598.351
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	104.688.152	76.449.846
Thuế GTGT được khấu trừ	152		673.389.599	796.987.703
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	251.012.898	254.610.627
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.976.615.789	2.272.550.175
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.387.919.078	43.259.250.431
Tài sản cố định	220		5.976.697.700	3.311.742.369
Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.806.715.312	1.432.649.060
- Nguyên giá	222		7.115.707.950	2.393.504.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.308.992.638)	(960.855.176)
Tài sản cố định vô hình	227	12	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	1.709.110.921
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39.879.708.290	39.879.708.290
Đầu tư vào công ty con	251	13	27.459.910.430	36.170.293.290
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	12.419.797.860	3.709.415.000
Tài sản dài hạn khác	260		531.513.088	67.799.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	531.513.088	67.799.772
TỔNG TÀI SẢN	270		87.990.169.309	82.695.508.829

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.022.243.848	6.378.470.197
Nợ ngắn hạn	310		5.787.258.348	6.126.815.697
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		1.175.162.421	1.253.950.928
Người mua trả tiền trước	313		1.809.000	51.835.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		721.000	721.000
Phải trả người lao động	315		1.584.004.844	1.614.091.898
Chi phí phải trả	316		200.596.464	147.811.994
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	2.811.835.525	2.398.129.042
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.129.094	660.275.335
Nợ dài hạn	330		234.985.500	251.654.500
Phải trả dài hạn khác	333	17	234.985.500	251.654.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.967.925.461	76.317.038.632
Vốn chủ sở hữu	410	18	81.967.925.461	76.317.038.632
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		24.218.159.363	16.170.553.893
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	3.593.925.948
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.047.666.098	10.850.458.791
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		87.990.169.309	82.695.508.829

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÕ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	152.168.250.946	124.418.285.487
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	152.168.250.946	124.418.285.487
Giá vốn hàng bán	11	20	147.450.713.832	119.027.776.797
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.717.537.114	5.390.508.690
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	16.629.359.267	15.207.511.751
Chi phí tài chính	22	22	48.538.265	18.265.326
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.038.265	18.265.326
Chi phí bán hàng	24	23	4.577.135.187	4.216.157.760
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	4.808.663.461	4.418.548.740
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.912.559.468	11.945.048.615
Thu nhập khác	31	25	1.041.681.630	689.932.304
Chi phí khác	32	26	97.575.000	320.522.128
Lợi nhuận khác	40		944.106.630	369.410.176
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.856.666.098	12.314.458.791
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.856.666.098	12.314.458.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.813	2.695

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÕ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	12.856.666.098	12.314.458.791
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	348.137.462	208.497.964
Các khoản dự phòng	3	417.774.830	60.000.000
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(16.034.371.988)	(12.418.506.682)
Chi phí lãi vay	6	8.038.265	18.265.326
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(2.403.755.333)	182.715.399
Tăng giảm các khoản phải thu	9	2.240.895.706	(7.592.199.063)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	3.384.738.685	(7.887.965.238)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	296.424.892	(4.415.260.632)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(491.951.622)	(73.555.933)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.038.265)	(18.265.326)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	757.843.946	839.443.500
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.758.296.160)	(1.551.857.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.017.861.849	(20.516.944.793)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.856.406.643)	(1.899.142.750)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	231.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.719.421.988	12.204.953.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.863.015.345	10.537.629.258
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.745.000.000	12.360.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.745.000.000)	(12.360.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.483.088.000)	1.245.502.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.483.088.000)	(1.245.502.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.397.789.194	(11.224.817.535)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.403.412.499	13.628.230.034
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.801.201.693	2.403.412.499

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

VÕ PHƯỚC HỒNG

LÊ HỮU PHƯỚC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 329/QĐ-CT ngày 13/4/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/3/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần gần nhất là lần thứ 7 ngày 01 tháng 8 năm 2014 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh gồm:

- Đại lý du lịch. Chi tiết: dịch vụ du lịch, tổ chức thực hiện các tour lữ hành quốc tế và nội địa;
- Bán buôn thực phẩm;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo;
- Đối ngoại tệ cho du khách;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ uống; Bán buôn tổng hợp;
- Đại lý môi giới đầu giá. Chi tiết: Bán vé máy bay, dịch vụ thông tin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán lẻ hàng hóa khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Quảng cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Luật thuế thu nhập doanh nghiệp do Quốc Hội ban hành ngày 19/06/2013 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được nhận toán theo phương pháp kê riết theo nguyên giá.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí thuê kho trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và không quá 12 tháng. Các khoản đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Các khoản đầu tư được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty xác định tương đối chắc chắn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, quyền kiểm soát (chi phối) và kế hoạch chia lợi nhuận các đơn vị nhận đầu tư. Theo đó, chính sách ghi nhận cổ tức phải thu từ các công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh:
 - Lợi nhuận theo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014: 55.406.337.804 đồng.
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong công ty con: 51%
 - Số người đại diện của Công ty trong Hội đồng Quản trị công ty con: 3/5 người.
 - Kế hoạch chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty con ngày 24/7/2014: 50% trên tổng vốn điều lệ 63.940.000.000 đồng, trong đó, phần cổ tức của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh tương ứng là: 16.305.200.000 đồng.
 - Mức cổ tức Công ty tạm ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2014 là: 12.718.056.000 đồng.
- Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh:
 - Lợi nhuận theo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014: 224.489.252 đồng.
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong công ty con: 84,27%.
 - Kế hoạch chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty con ngày /2014: 6% trên tổng vốn điều lệ, trong đó, phần cổ tức của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh tương ứng là: 151.680.000 đồng.
 - Mức cổ tức Công ty tạm ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2014 là: 151.680.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 22% tính trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh nước giải khát, kinh doanh điều và các mặt hàng khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền mặt	409.243.316	442.070.087
Tiền gửi ngân hàng	591.958.377	1.761.342.412
Các khoản tương đương tiền (*)	8.800.000.000	200.000.000
Cộng	9.801.201.693	2.403.412.499

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5%/năm (năm 2013: lãi suất từ 6,5% - 9%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là các khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hòa Thành với tổng giá trị là 1.000.000.000 đồng, lãi suất từ 6% - 7,5%.

Các Sổ tiết kiệm này đã được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Hòa Thành theo các hợp đồng như sau:

Số hợp đồng cầm cố ký quỹ	Số tiền	Thời hạn bảo lãnh	Nội dung
14026060	600.000.000	Từ 24/12/2014 đến 23/12/2015	Bảo lãnh cược vỏ chai kết rỗng với CN Cty CP Thương mại bia SG Miền đông tại Tây Ninh theo Hợp đồng bảo lãnh số 2014/0002731
14021836	400.000.000	Từ 17/6/2014 đến 11/6/2014	Bảo lãnh cược vỏ chai kết rỗng với CN Cty CP Thương mại bia SG Miền đông tại Tây Ninh theo Hợp đồng bảo lãnh số 2014/0001073

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Cổ tức phải thu	13.206.956.000	12.892.006.000
- Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	12.718.056.000	11.902.796.000
- Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	-	500.310.000
- Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	151.680.000	151.680.000
- Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	337.220.000	337.220.000
Các khoản phải thu khác	479.357.380	317.084.470
Cộng	13.686.313.380	13.209.090.470

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công cụ, dụng cụ	3.050.234.926	3.660.511.108
Hàng hoá	9.201.865.324	11.976.327.827
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	12.252.100.250	15.636.838.935
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	12.252.100.250	15.636.838.935

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chi phí thuê kho	-	34.090.908
Chi phí sửa chữa	21.895.833	-
Công cụ dụng cụ	82.792.319	42.358.938
Cộng	104.688.152	76.449.846

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại 31/12/2014 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	250.446.449	-	-	250.446.449
Thuế thu nhập cá nhân	4.164.178	78.898.980	75.301.251	566.449
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	45.870.003	45.870.003	-
Các loại thuế khác (*)	(721.000)	3.000.000	3.000.000	(721.000)
Cộng thuế phải thu	254.610.627	127.768.983	124.171.254	251.012.898

(*) Số dư đầu năm được phản ánh ở chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	311.029.367
Tạm ứng	141.900.000	159.178.386
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.523.686.422	1.802.342.422
Cộng	1.976.615.789	2.272.550.175

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2014	108.860.112	-	2.284.644.124	2.393.504.236
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.246.520.993	224.247.267	251.435.454	4.722.203.714
Tại 31/12/2014	<u>4.355.381.105</u>	<u>224.247.267</u>	<u>2.536.079.578</u>	<u>7.115.707.950</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2014	(6.592.087)	-	(954.263.089)	(960.855.176)
- Khấu hao trong năm	(118.621.825)	(8.160.108)	(221.355.529)	(348.137.462)
Tại 31/12/2014	<u>(125.213.912)</u>	<u>(8.160.108)</u>	<u>(1.175.618.618)</u>	<u>(1.308.992.638)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	<u>102.268.025</u>	-	<u>1.330.381.035</u>	<u>1.432.649.060</u>
Tại 31/12/2014	<u>4.230.167.193</u>	<u>216.087.159</u>	<u>1.360.460.960</u>	<u>5.806.715.312</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 581.321.581 đồng.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	24.931.910.430	24.931.910.430
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	2.528.000.000	2.528.000.000
Cty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (xem chi tiết mục 14)	-	8.710.382.860
Cộng	27.459.910.430	36.170.293.290

Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 31/12/2014:

Thông tin công ty con	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động KD chính
Cty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	51,0%	51,0%	Vận chuyển du khách, hàng hóa bằng cáp treo
Cty CP Lữ hành Tây Ninh	84,3%	84,3%	Du lịch, lữ hành

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh (1)	3.709.415.000	3.709.415.000
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (2)	8.710.382.860	-
Cộng	12.419.797.860	3.709.415.000

Ghi chú:

- (1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 36,3% vốn điều lệ của Công ty này.
- (2) Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đã phát hành thêm cổ phiếu với tỷ lệ 1:1. Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh đã chuyển nhượng quyền mua số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho Bà Nguyễn Thị Sáng theo Hợp đồng ngày 16/7/2014. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty từ 51% đã giảm xuống 25,5%.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chi phí bảo hiểm xe, phí đường bộ	11.780.262	19.015.074
Chi phí công cụ, dụng cụ	110.641.916	48.784.698
Chi phí thuê kho	409.090.910	-
Cộng	531.513.088	67.799.772

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	65.469.304	69.228.824
Bảo hiểm xã hội	6.185.830	10.972.810
Tiền thế chấp phải trả	2.372.489.033	2.190.328.450
Bảo hành công trình	219.350.450	38.781.550
Cổ tức phải trả	38.260.000	37.096.000
Các khoản phải trả khác	110.080.908	51.721.408
Cộng	2.811.835.525	2.398.129.042

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền ký quỹ dài hạn của nhân viên kinh doanh	234.985.500	251.654.500
Cộng	234.985.500	251.654.500

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 45.702.100.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ hai triệu một trăm ngàn đồng chẵn), chia thành 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết vốn đầu tư của Công ty như sau:

	Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	80,8%	36.942.300.000	77,6%	35.442.300.000
Cty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	4,3%	1.978.800.000	4,3%	1.978.800.000
Cty TNHH Nhà nước MTV Xô số Kiến Thiết Tây Ninh	0,0%	-	3,3%	1.500.000.000
Ông Lê Hữu Phước	0,1%	29.000.000	0,1%	29.000.000
Các cổ đông khác	14,8%	6.752.000.000	14,8%	6.752.000.000
Cộng	100%	45.702.100.000	100%	45.702.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.702.089.498	45.702.089.498
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.502
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000

18.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2014 Cổ phiếu	Tại 01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu thường	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu thường	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18.4 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	24.218.159.363	16.170.553.893
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.593.925.948
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01//2013	45.702.089.498	12.148.063.879	3.020.388.750	11.269.753.993	72.140.296.120
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	12.314.458.791	12.314.458.791
- Chi cổ tức năm trước	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm trước	-	-	-	(275.300.000)	(275.300.000)
- Trích các quỹ năm trước	-	4.022.490.014	573.547.700	(6.974.201.993)	(2.378.164.279)
- Điều chỉnh vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.502	-	(10.502)	-	-
Tại 31/12/2013	45.702.100.000	16.170.553.893	3.593.925.948	10.850.458.791	76.317.038.632
Tại 01/01/2014	45.702.100.000	16.170.553.893	3.593.925.948	10.850.458.791	76.317.038.632
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	12.856.666.098	12.856.666.098
- Chi cổ tức năm 2013 (1)	-	-	-	(5.484.252.000)	(5.484.252.000)
- Thưởng thù lao HĐQT, BKS năm nay (1)	-	-	-	(309.000.000)	(309.000.000)
- Trích các quỹ năm nay (1)	-	5.296.993.372	-	(5.866.206.791)	(569.213.419)
- Kết chuyển quỹ dự phòng tài chính	-	2.750.612.098	(2.750.612.098)	-	-
- Giảm các quỹ trong năm nay (2)	-	-	(843.313.850)	-	(843.313.850)
Tại 31/12/2014	45.702.100.000	24.218.159.363	-	12.047.666.098	81.967.925.461

(1) Công ty trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 31/5/2014.

(2) Công ty tạm xử lý khoản đầu tư vào các dự án Xa Mát, Mộc Bài và Ma Thiên Lãnh theo Biên bản họp thẩm định mức trích lập các khoản dự phòng ngày 27/12/2014. Các khoản xử lý này sẽ trình Đại Hội đồng cổ đông năm 2015 phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.168.250.946	124.418.285.487
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nước giải khát	124.181.986.681	115.418.127.675
Doanh thu hạt điều, nhân điều	27.023.944.000	5.587.261.868
Doanh thu vỏ chai	620.660.292	89.231.727
Doanh thu dịch vụ (mặt bằng)	-	4.454.545
Doanh thu mặt hàng khác	341.659.973	3.319.209.672
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	152.168.250.946	124.418.285.487

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn nước giải khát	120.136.808.494	110.484.850.639
Giá vốn hạt điều, nhân điều	26.185.200.000	5.400.000.000
Giá vốn vỏ chai	801.073.065	80.078.738
Giá vốn dịch vụ (mặt bằng)	-	-
Giá vốn mặt hàng khác	327.632.273	3.062.847.420
Cộng	147.450.713.832	119.027.776.797

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi trả chậm cổ tức	392.751.988	665.024.937
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.641.620.000	14.500.256.000
Doanh thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần	549.276.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.393.356	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	44.317.423	42.230.814
Cộng	16.629.359.267	15.207.511.751

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	8.038.265	18.265.326
Chi phí tư vấn, đấu giá	40.500.000	-
Cộng	48.538.265	18.265.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	2.604.258.300	2.641.514.390
Chi phí dụng cụ đồ dùng	45.968.108	5.011.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.575.181	142.603.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.603.841	335.041.201
Chi phí bằng tiền khác	1.337.729.757	1.091.987.149
Cộng	4.577.135.187	4.216.157.760

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.734.707.594	2.941.574.086
Chi phí công cụ dụng cụ	213.792.228	19.253.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.387.580	65.894.612
Thuế phí, lệ phí	48.870.003	167.659.359
Chi phí dự phòng	417.774.830	60.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.443.246	368.775.666
Chi phí bằng tiền khác	1.109.687.980	795.391.018
Cộng	4.808.663.461	4.418.548.740

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	231.818.182
Xử lý công nợ phải trả	606.376.392	47.560.117
Thu nhập khác	435.305.238	410.554.005
Cộng	1.041.681.630	689.932.304

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	11.244.655
Chi phí khác	97.575.000	309.277.473
Cộng	97.575.000	320.522.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.856.666.098	12.314.458.791
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	15.641.620.000	14.204.367.071
- Cổ tức nhận được	15.641.620.000	14.500.256.000
- Chi phí không được trừ	-	295.888.929
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(2.784.953.902)	(1.889.908.280)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận sau thuế (VND)	12.856.666.098	12.314.458.791
Số điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	12.856.666.098	12.314.458.791
Số cổ phiếu lưu hành bình quân (cổ phiếu)	4.570.210	4.570.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	2.813	2.695

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tại 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.175.162.421	-	-	1.175.162.421
Chi phí phải trả	200.596.464	-	-	200.596.464
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.727.483.403	-	-	2.727.483.403
Cộng	4.103.242.288	-	-	4.103.242.288
Tại 01/01/2014				
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.253.950.928	-	-	1.253.950.928
Chi phí phải trả	147.811.994	-	-	147.811.994
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.305.230.420	-	-	2.305.230.420
Cộng	3.706.993.342	-	-	3.706.993.342

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nêu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Tại 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	9.801.201.693	-	-	9.801.201.693
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.845.341.450	-	-	14.845.341.450
Ký quỹ, ký cược	1.523.686.422	-	-	1.523.686.422
Cộng	27.170.229.565	-	-	27.170.229.565
Tại 01/01/2014				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	2.403.412.499	-	-	2.403.412.499
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.306.814.159	-	-	14.306.814.159
Ký quỹ, ký cược	1.802.342.422	-	-	1.802.342.422
Cộng	18.512.569.080	-	-	18.512.569.080

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động kinh doanh nước giải khát, kinh doanh hạt điều và các mặt hàng khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra tại khu vực kinh doanh của Công ty (Tỉnh Tây Ninh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2014	Kinh doanh nước giải khát	Kinh doanh hạt điều	Kinh doanh khác	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	124.181.986.681	27.023.944.000	962.320.265	-	152.168.250.946
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.181.986.681	27.023.944.000	962.320.265	-	152.168.250.946
Chi phí bộ phận	(120.136.808.494)	(26.185.200.000)	(1.128.705.338)	-	(147.450.713.832)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(9.385.798.648)	(9.385.798.648)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.045.178.187	838.744.000	(166.385.073)	(9.385.798.648)	(4.668.261.534)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	16.629.359.267	16.629.359.267
Chi phí tài chính	-	-	-	(48.538.265)	(48.538.265)
Thu nhập khác	606.376.392	-	-	435.305.238	1.041.681.630
Chi phí khác	-	-	-	(97.575.000)	(97.575.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.651.554.579	838.744.000	(166.385.073)	7.532.752.592	12.856.666.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP).

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Năm 2013	Kinh doanh nước giải khát VND	Kinh doanh hạt điều VND	Kinh doanh khác VND	Không phân bổ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	115.418.127.675	5.587.261.868	3.412.895.944	-	124.418.285.487
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	115.418.127.675	5.587.261.868	3.412.895.944	-	124.418.285.487
Chi phí bộ phận	(110.484.850.639)	(5.400.000.000)	(3.142.926.158)	-	(119.027.776.797)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(8.634.706.500)	(8.634.706.500)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.933.277.036	187.261.868	269.969.786	(8.634.706.500)	(3.244.197.810)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	15.207.511.751	15.207.511.751
Chi phí tài chính	-	-	-	(18.265.326)	(18.265.326)
Thu nhập khác	-	-	-	689.932.304	689.932.304
Chi phí khác	-	-	-	(320.522.128)	(320.522.128)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.933.277.036	187.261.868	269.969.786	6.923.950.101	12.314.458.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên doanh, liên kết của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Các bên liên quan

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	Cổ đông sáng lập
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	Công ty con
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
- Bán hàng	1.122.007.818	1.375.991.873
- Mua hàng	49.958.709.952	50.303.739.077
- Thuê mặt bằng	-	220.526.743
Cty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh		
- Bán hàng	1.412.490.914	1.476.429.093
- Mua hàng	14.446.714.444	-
- Cổ tức đã thu	14.674.680.000	11.413.640.000
Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh		
- Bán hàng	108.581.819	52.255.457
- Mua hàng	181.818	231.000.000
- Cổ tức đã thu	151.680.000	126.400.000
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh		
- Cổ tức đã trả	4.253.076.000	4.253.076.000

Số dư với các bên liên quan

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2014</u>	<u>Tại 01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh		
- Phải thu tiền bán hàng	32.674.000	282.269.664
- Phải trả tiền mua hàng	-	306.329.824
- Thế chấp, ký quỹ	-	1.075.707.922
- Nhận thế chấp, ký quỹ	-	466.726.200
- Cổ tức phải thu	-	500.310.000
Cty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh		
- Phải trả tiền mua hàng	863.348.004	-
- Thế chấp, ký quỹ	1.183.828.922	-
- Nhận thế chấp, ký quỹ	479.706.783	-
- Cổ tức phải thu	12.718.056.000	11.902.796.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan (tiếp)</u>	<u>Tại 31/12/2014</u>	<u>Tại 01/01/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh		
- Cổ tức phải thu	151.680.000	151.680.000
Cty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh		
- Cổ tức phải thu	337.220.000	337.220.000
<u>Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</u>		
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và phụ cấp Ban Giám đốc	1.016.581.799	1.064.558.496
Cộng	<u>1.016.581.799</u>	<u>1.064.558.496</u>

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 Những khoản nợ tiềm tàng

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.2 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 02/HĐTK ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Tây Ninh, thời hạn 24 tháng bắt đầu từ ngày 15 tháng 02 năm 2012, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 25.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
 - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m²/năm.
 - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m²/năm.
 - Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

31.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.4 Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


PHẠM THỊ TUYẾT MINH


VÕ PHƯỚC HỒNG


LÊ HỮU PHƯỚC

